JOURNAL OF SCIENCE
OF LAC HONG UNIVERSITY
ISSN: 2525 - 2186
Tạp chí Khoa học Lạc Hồng (**2023)** 15 (1): 23-29.

TÁC ĐỘNG CỦA GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP, NIỀM ĐAM MÊ VÀ THÁI ĐỘ KHỞI NGHIỆP ĐẾN HÀNH VI KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Vũ Hà[1*], Lâm Ngọc Nhẫn[1], Phạm Nguyễn Nguyên Hương[1], Nguyễn Thị Kim Tuyến[2]
[1]*Trường Đại học Lạc Hồng, Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam*
[2]*Trường Đại học Quy Nhơn, 170 An Dương Vương, Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Qui Nhơn, Bình Định, Việt Nam*
[*]Tác giả liên hệ: *vuha@lhu.edu.vn*

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 28/6/2023
Ngày hoàn thiện: 09/8/2023
Ngày chấp nhận: 19/8/2023
Ngày đăng: 20/9/2023

TỪ KHÓA

Khởi nghiệp;
Thái độ;
Ý định;
Sinh viên kinh tế;
Đồng Nai.

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu là xem xét tác động của các yếu tố giáo dục khởi nghiệp, niềm đam mê, thái độ khởi nghiệp đến hành vi khởi nghiệp, thông qua vai trò trung gian của ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kết quả thu thập từ khảo sát 296 sinh viên đại học được phân tích thông qua 2 phần mềm SPSS và SmartPLS, các giả thuyết của nghiên cứu này được kiểm định qua mô hình cấu trúc bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS-SEM). Kết quả cho thấy các yếu tố đã đề xuất có tác động tích cực đến hành vi khởi nghiệp. Bên cạnh đó, ý định khởi nghiệp giữ vai trò trung gian của các yếu tố trên tác động đến hành vi khởi nghiệp.

THE IMPACT OF ENTREPRENEURSHIP EDUCATION, PASSION AND ENTREPRENEURIAL ATTITUDE ON ENTREPRENEURIAL BEHAVIOR OF ECONOMIC STUDENTS IN DONG NAI PROVINCE

Le Vu Ha[1*], Lam Ngoc Nhan[1], Pham Nguyen Nguyen Huong[1] ,Nguyen Thi Kim Tuyen[2]
[1]*Lac Hong University, No. 10 Huynh Van Nghe St., Buu Long ward, Bien Hoa , Dong Nai, Vietnam*
[2]*Quy Nhon University, 170 An Duong Vuong, Nguyen Van Cu, Quy Nhon city, Binh Dinh, Vietnam*
[*] Corresponding Author*: vuha@lhu.edu.vn*

ARTICLE INFO

Received: Jun 28, 2023
Revised: Aug 9, 2023
Accepted: Aug 19, 2023
Published: Sep 20, 2023

KEYWORDS

Start-up;
Attitude;
Intention;
Economics student;
Dong Nai.

ABSTRACT

The study was conducted with the goal of examining the impact of entrepreneurial education factors, passion, and entrepreneurial attitudes on entrepreneurial behavior through the intermediary role of economics majors' entrepreneurial intentions at universities in Dong Nai province. The results collected from the survey of 296 university students were analyzed through the two softwares SPSS and SmartPLS, the hypotheses of this study were tested through the partial least squares structural equation modelling (PLS-SEM). The results reveal that the proposed factors have a positive impact on entrepreneurial behavior. In addition, the intention to start a business plays an intermediary role of the above factors affecting entrepreneurial behavior.

Doi: https://doi.org/10.61591/jslhu.15.317
Avaiable online at: https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong

1. GIỚI THIỆU

Khởi nghiệp kinh doanh đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế trên toàn thế giới. Khởi nghiệp là chìa khóa để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chính vì vậy thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của giới trẻ là một trong những ưu tiên hàng đầu của các nhà hoạch định chính sách [1].

Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với thế mạnh, tiềm năng và điều kiện thuận lợi như hạ tầng giao thông phát triển, lực lượng lao động trẻ, chất lượng nguồn nhân lực không ngừng được nâng cao, có nhiều khu công nghiệp lớn hỗ trợ cho việc khởi nghiệp. Toàn tỉnh có 06 trường đại học cùng với 67 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, với gần 28.997 sinh viên đang theo học [2]. Hưởng ứng Chương trình khởi nghiệp Quốc gia [3] [4], UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến khởi nghiệp, với mục tiêu xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Nai nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội [5]. Chương trình chủ yếu hướng tới đối tượng là sinh viên các trường cao đẳng, đại học, trung cấp và doanh nghiệp; thanh thiếu niên, học sinh THPT trên địa bàn cả tỉnh. Tuy nhiên, những năm gần đây, do thiếu ý tưởng, nguồn lực, năng lực đổi mới sáng tạo và dịch vụ hỗ trợ… nên hiệu quả chưa cao.

Giới trẻ ngày nay, đặc biệt là sinh viên trong trường đại học, có khuynh hướng kinh doanh ngay từ khi còn ngồi trên giảng đường đại học. Tuy nhiên, do hạn chế về kiến thức, kinh nghiệm, vốn… Nên quá trình khởi nghiệp của sinh viên đều gặp ít nhiều khó khăn, điều này mang đến nhiều cơ hội và thách thức. Thực tế đã có nhiều sinh viên khởi nghiệp thành công nhưng cũng có nhiều bạn thất bại. Dẫu biết còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng khởi nghiệp là cơ hội tốt để các bạn sinh viên thể hiện bản lĩnh, khám phá và phát triển bản thân, gia tăng vốn sống, tích lũy kinh nghiệm bản thân. Với sự quyết tâm và nhiệt huyết của sinh viên, đồng thời được nhà trường định hướng kiến thức chuyên môn, sinh viên sẽ có nhiều ý tưởng, dự án khởi nghiệp hay được triển khai trong thời gian tới, giai đoạn hậu COVID-19 và trong thời đại 4.0.

Nhiều nghiên cứu ở nước ngoài của [6], [7] và trong nước trước đây liên quan đến khởi nghiệp của sinh viên như [8], [9], [10], [11], [12]. Có thể nói, hầu hết các nghiên cứu trước đây ở trong và ngoài nước mới chỉ dừng lại ở ý định khởi nghiệp, các nghiên cứu thực nghiệm về hướng nghiên cứu ý định khởi nghiệp và hành vi khởi nghiệp còn hạn chế. Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi khởi nghiệp của sinh viên kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là câu hỏi được tác giả quan tâm và tiến hành nghiên cứu để tìm ra tác động của các yếu tố này đến hành vi khởi nghiệp, thông qua trung gian của ý định khởi nghiệp, từ đó đề xuất các hàm ý quản trị nhằm gia tăng hành vi khởi nghiệp của sinh viên ngay từ lúc còn ngồi ở giảng đường đại học.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết

Khởi nghiệp: Là khởi đầu một công việc kinh doanh mới hoặc bắt đầu thực hiện một doanh nghiệp mới, các ý tưởng kinh doanh sáng tạo có thể xác định và tận dụng cơ hội để đạt được thành công trong kinh doanh [13]. Khởi nghiệp nói chung có thể là sự cống hiến của một hoặc nhiều cá nhân để thành lập công ty, phát triển dịch vụ hoặc sản phẩm, mua lại một công ty hiện có hoặc bất kỳ hoạt động sinh lợi khác [14]. Theo Pedrini và cộng sự (2017) [15], khởi nghiệp là việc tạo ra một doanh nghiệp mới, một tổ chức mới dựa trên nền tảng nguồn lực sẵn có hoặc vay mượn của một cá nhân.

Doanh nghiệp khởi nghiệp: Các tổ chức/cá nhân có dự án khởi nghiệp được kỳ vọng sẽ tăng trưởng nhanh dựa trên công nghệ, tài sản trí tuệ, với mô hình kinh doanh mới và thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép hoạt động [16].

Ý định khởi nghiệp: Thể hiện trạng thái thôi thúc, các cá nhân được khuyến khích khởi động các công ty khởi nghiệp [17]. Ý định khởi nghiệp là một chỉ số quan trọng để giải thích sự hình thành hay cơ chế của hành vi khởi nghiệp [18] và là cơ sở vững chắc dự đoán hành vi khởi nghiệp [19]. Tomy và cộng sự (2020) [20] cũng khẳng định và chứng minh vai trò của ý định khởi nghiệp. Bên cạnh đó, "ý định khởi nghiệp của sinh viên" là một khái niệm ít được biết đến. Đây là đối tượng có kỹ năng kinh doanh, kiến thức và thậm chí khả năng tiếp cận các cơ hội kinh doanh thông qua giáo dục đại học [21]. Ngoài ra, hầu hết những người tham gia khảo sát về khởi nghiệp đều tập trung ở độ tuổi 25-35 [22], trong khi vấn đề khởi nghiệp của sinh viên chưa được quan tâm nhiều. Vì vậy, tập trung vào hoạt động khởi nghiệp của sinh viên sẽ giúp phát triển nguồn doanh nghiệp trẻ khởi nghiệp tiềm năng [18].

Giáo dục khởi nghiệp: Các hoạt động học tập, các cuộc thảo luận về nâng cao kiến thức, kỹ năng, thái độ và đặc điểm cá nhân liên quan đến tinh thần khởi nghiệp [23] và phản ánh hành vi của một người đối với hỗ trợ học tập [24]. Một số nhà khoa học, nhà nghiên cứu cho rằng giáo dục khởi nghiệp ở cấp đại học nên xem xét phương pháp giảng dạy phù hợp để cho phép sinh viên có được kinh nghiệm khởi nghiệp cơ bản trong khi thực hiện hoạt động thực tế. Giáo dục khởi nghiệp có thể thúc đẩy tư duy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên [25]. Giáo dục khởi nghiệp đã được chứng minh là có tác động đến ý định trở thành doanh nhân, và nhiều học giả đã cho rằng có mối quan hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp [6]. Một số nghiên cứu của [6], [8], [9], [11], [12] đã khẳng định giáo dục khởi nghiệp tác động đến ý định khởi nghiệp. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả xem xét biến độc lập giáo dục khởi nghiệp có tác động đến ý định khởi nghiệp với đối tượng là sinh viên đại học kinh tế và địa bàn nghiên cứu là tỉnh Đồng Nai.

Niềm đam mê: Niềm đam mê khởi nghiệp thể hiện ở sự yêu thích trong công việc, mong muốn phát triển bản thân và làm chủ cuộc sống thông qua việc làm của cá nhân [26]. Không giống như đi làm, tự doanh hay khởi nghiệp đòi hỏi bạn phải có niềm đam mê mãnh liệt với lĩnh vực mà bạn có dự định khởi nghiệp [27]. Các nghiên cứu của [26], [10] khẳng định niềm đam mê tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp. Nhóm tác giả cũng xem xét biến độc lập niềm đam mê có tác động đến ý định khởi nghiệp với đối tượng nghiên cứu là sinh viên kinh tế và địa bàn nghiên cứu là tỉnh Đồng Nai.

Thái độ khởi nghiệp: Harris và Gibson [28] lập luận rằng thái độ khởi nghiệp thay đổi thông qua quá trình học tập, trải nghiệm và tương tác của cá nhân trong môi trường. Một số chương trình hỗ trợ khởi nghiệp trong nhà trường đã được phát triển để cải thiện thái độ khởi nghiệp của sinh viên. Thái độ khởi nghiệp của các cá nhân có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp, và các yếu tố thái độ cá nhân cũng đóng một vai trò rất tích cực trong việc giải thích các hành vi và ý định liên quan đến kinh doanh [29]. Pedrini và cộng sự (2017) [15] cho rằng ý định khởi nghiệp cũng chịu bị ảnh hưởng đáng kể bởi thái độ khởi nghiệp của cá nhân,

là cơ sở để gia tăng ý định khởi nghiệp của cá nhân. Nghiên cứu của [9], [10], khẳng định thái độ khởi nghiệp tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp. Để tăng khả năng giải thích ý định khởi nghiệp với đối tượng nghiên cứu là sinh viên kinh tế và địa bàn nghiên cứu là tỉnh Đồng Nai, nhóm tác giả xem xét việc đưa biến độc lập là Thái độ khởi nghiệp vào mô hình nghiên cứu.

Hành vi khởi nghiệp: Lý thuyết sự kiện khởi nghiệp của [30] và lý thuyết hành vi dự định [31] cho thấy rằng ý định là một yếu tố dự đoán quan trọng về hành vi của con người. Randall và Wolff [32] lập luận rằng quan hệ giữa ý định và hành vi không thay đổi theo thời gian. Schlaegel và Koenig [33] đã xác nhận có mối quan hệ tích cực giữa ý định và hành vi trong bối cảnh khởi nghiệp. Gần đây hơn, [34] xem xét hướng nghiên cứu giữa ý định và hành vi khởi nghiệp của [11].

Dựa trên lý thuyết khởi nghiệp, các lý thuyết nền tảng như lý thuyết hành động hợp lý (TRA) [31]; Lý thuyết hành vi dự định (TPB) của [31] và kế thừa các nghiên cứu trong, ngoài nước của [6], [7], [8], [9], [10], [11], [12]. Các thang đo của các yếu tố trong mô hình được kế thừa từ các nghiên cứu như sau Giáo dục khởi nghiệp ([6], [7], [8], [12]); Niềm đam mê ([26], [10]); Thái độ khởi nghiệp ([6], [7], [8]). Ngoài ra, mô hình sẽ được đo lường thông qua biến trung gian là "Ý định khởi nghiệp" dựa trên thang đo của [6], [7], [35], [36], [8], [9] và biến phụ thuộc là Hành vi khởi nghiệp dựa theo thang đo trong mô hình [11], [37]. Do đó, các giả thuyết và mô hình nghiên cứu được thể hiện trong Hình 1.

Giả thuyết H_1: Giáo dục khởi nghiệp có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp

Giả thuyết H2: Niềm đam mê có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp

Giả thuyết H3: Thái độ khởi nghiệp có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp

Giả thuyết H4: Ý định khởi nghiệp có tác động tích cực đến hành vi khởi nghiệp

Giả thuyết H5: Quan hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và hành vi khởi nghiệp có tác động trung gian của ý định khởi nghiệp

Giả thuyết H6: Quan hệ giữa niềm đam mê và hành vi khởi nghiệp có tác động trung gian của ý định khởi nghiệp

Giả thuyết H7: Quan hệ giữa thái độ khởi nghiệp và hành vi khởi nghiệp có tác động trung gian của ý định khởi nghiệp

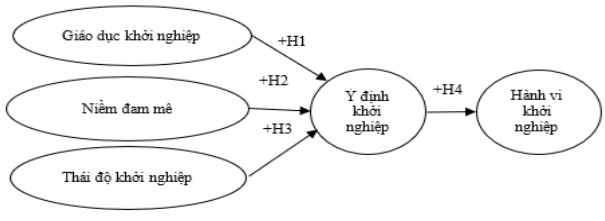

Hình 1. *Mô hình nghiên cứu*
(Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả, 2023)

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Nghiên cứu định tính

Phương pháp thảo luận chuyên gia là một trong các bước quan trọng trong việc hiệu chỉnh thang đo trong bất kỳ nghiên cứu nào. Tác giả đã tiến hành thảo luận với 6 chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp, thông thạo các lĩnh vực học thuật và phương pháp nghiên cứu liên quan đến chủ đề khởi nghiệp. Nhìn chung, cuộc thảo luận với chuyên gia chỉ ra rằng thang đo phù hợp với thang đo gốc, với các thuật ngữ được điều chỉnh để đảm bảo tương thích với địa bàn nghiên cứu.

3.2 Nghiên cứu định lượng

Bảng câu hỏi khảo sát của nghiên cứu này được hình thành dựa trên việc tham khảo và kế thừa một số nghiên cứu trước đây. Một số điều chỉnh nhỏ đã được thực hiện sau khi nghiên cứu định tính. Có 23 biến quan sát trong 5 yếu tố, ngoài ra còn thu thập dữ liệu của các biến kiểm soát như giới tính, sinh viên năm thứ, tên trường học đại học. Nghiên cứu này sử dụng thang đo Likert 5 mức. Nghiên cứu này áp dụng phương pháp "lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng".

Theo danh sách các trường đại học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, 05 trường được tác giả lựa chọn bao gồm Đại học Lạc Hồng (LHU), Đại học Công nghệ Đồng Nai (DNTU), Đại học Đồng Nai (DNU), Đại học Lâm nghiệp (LNU) và Đại học Miền Đông (MIT). Đây đều là những cơ sở đào tạo khối ngành kinh tế có tiếng tại tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu thực hiện nghiên cứu định lượng về mô hình đo lường và cấu trúc, kiểm định độ tin cậy, giá trị hội tụ và giá trị phân biệt và giả thuyết nghiên cứu thông qua phần mềm SPSS 22.0 và SmartPLS 3.0. Mẫu khảo sát gồm 300 sinh viên đại học chuyên ngành kinh tế đang học tập và sinh sống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1 Mô tả mẫu

Trong 300 bảng khảo sát được đã gửi đến đáp viên từ tháng 02 năm 2023 đến tháng 03 năm 2023, có 296 bảng khảo sát được thu về, tỷ lệ thu hồi là 98,7%. Dữ liệu được mã hóa, nhập, làm sạch, xử lý và phân tích dữ liệu thông qua phần mềm SPSS 22.0 và Smart PLS 3.0. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ sinh viên nam và nữ tương đối cân bằng, trong đó nam chiếm 48,3% và nữ chiếm 51,7%; Sinh viên năm 3 và năm cuối đạt 59,8%, còn lại 40,2% đang là sinh viên năm 1 và 2; Số lượng sinh viên tham gia khảo sát đến từ LHU là 36,1%, tiếp theo là DNTU là 27,4%, LNU là 14,5%; MIT là 11,1% và cuối cùng là DNU là 10,8%.

4.2 Đánh giá mô hình đo lường

Bảng 1 và bảng 2 sẽ trình bày kết quả kiểm định độ tin cậy và độ giá trị của cấu trúc bao gồm kiểm định độ nhất quán nội tại, độ giá trị hội tụ và giá trị phân biệt.

Bảng 1. *Đánh giá mô hình đo lường*

Mã hóa	Hệ số tải ngoài (Outer loading)	Hệ số Cronbach's Alpha	Độ tin cậy tổng hợp (CR)	Phương sai trích trung bình (AVE)
EAT1	0,873	0,836	0,901	0,753
EAT2	0,869			
EAT3	0,861			
EDE1	0,811	0,873	0,912	0,722
EDE2	0,835			
EDE3	0,889			
EDE4	0,863			
INT1	0,859	0,880	0,917	0,735
INT2	0,844			
INT3	0,873			
INT4	0,852			
PAS1	0,854	0,861	0,906	0,706
PAS2	0,843			
PAS3	0,859			
PAS4	0,804			
SUB1	0,788	0,888	0,912	0,598
SUB2	0,745			
SUB3	0,754			
SUB4	0,750			
SUB5	0,811			
SUB6	0,773			
SUB8	0,790			

(Nguồn: Kết quả phân tích từ dữ liệu khảo sát 296 sinh viên, 2023)

Bảng 1 cho thấy tất cả các lần tải mục của các thang đo đều hội tụ về đúng các yếu tố với hệ số hội tụ hầu hết đều lớn hơn 0,70; biến SUB7 (Tôi đã tiếp cận các tổ chức quỹ đầu tư) có hệ số hội tụ là 0,630 nhỏ hơn 0,70 không đảm

bảo được tính hội tụ nên tác giả tiến hành loại biến ra khỏi mô hình. Hệ số Cronbach's Alpha của từng thang đo đều lớn hơn 0,70 nên các thang đo này có độ tin cậy tốt; giá trị AVE cao hơn 0,50 và giá trị CR cao hơn giá trị ngưỡng 0,70 chứng tỏ các giá trị đo được đều hội tụ [38]. Bảng 2 cho thấy tiêu chí về giá trị phân biệt đối với các biến thông qua chỉ số Heterotrait Monotrait (HTMT) [39].

Bảng 2. *Chỉ số HTMT*

	EAT	EDE	INT	PAS	SUB
EAT					
EDE	0,359				
INT	0,684	0,604			
PAS	0,478	0,622	0,663		
SUB	0,551	0,420	0,536	0,368	

(Nguồn: Kết quả phân tích từ dữ liệu khảo sát 296 sinh viên, 2023)

4.3 Mô hình cấu trúc

Hu và cộng sự [40] đề xuất rằng các mô hình có giá trị SRMR < 0,08 được coi là phù hợp với dữ liệu thực tế. Kết quả kiểm định mô hình SRMR=0,064<0,08 cho thấy sự phù hợp của chỉ số đánh giá đối với địa bàn nghiên cứu. Bảng 3 cho thấy hệ số xác định R^2 điều chỉnh của 3 yếu tố tác động đến INT là 0,531. Điều này nghĩa là 3 yếu tố trong mô hình nghiên cứu đã đề xuất giải thích được 53,1% sự biến thiên của INT. Do đó, dữ liệu phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, INT giải thích được 22,9% cho SUB.

Bảng 3. Chỉ số R bình phương và R bình phương hiệu chỉnh

Yếu tố	R^2	R^2 hiệu chỉnh
INT	0,535	0,531
SUB	0,232	0,229

(Nguồn: Kết quả phân tích từ dữ liệu khảo sát 296 sinh viên, 2023)

Để khái quát hóa kết quả cho toàn bộ, mô hình cần được kiểm định lại bằng phương pháp Bootstrap [41]. Nhóm tác giả thực hiện kiểm định Bootstrap phi tham số cỡ mẫu lấy lại là 1.000. Kết quả bảng 4 cho thấy, hệ số P-value cho giá trị nhỏ hơn 0,05 nên các yếu tố đề xuất đều tác động đến INT, tức là 3 giả thuyết phân tích đều được chấp nhận với độ tin cậy 95%. Và INT cũng ảnh hưởng đến SUB. Hệ số cột Original Sample mang dấu dương ở các mối quan hệ nên cho biết mối quan hệ này có tác động cùng chiều đến INT. Bên cạnh đó, mô hình cũng thể hiện kết quả tác động gián tiếp của 3 yếu tố này đến SUB thông qua yếu tố trung gian là INT. Kết quả bảng 4 cũng cho thấy các giá trị P-value đều nhỏ hơn 0,05 nên có thể kết luận có mối quan hệ gián tiếp trong mô hình.

Bảng 4. *Kết quả kiểm định mối liên hệ giữa cấu trúc trong mô hình*

Giả thuyết	Mối quan hệ	Original Sample (O)	Sample Mean (M)	P values	Kết luận
H_3	EAT -> INT	0,391	0,387	0,000	Chấp nhận
H_1	EDE -> INT	0,269	0,272	0,000	Chấp nhận
H_4	INT -> SUB	0,482	0,484	0,000	Chấp nhận
H_2	PAS -> INT	0,275	0,276	0,000	Chấp nhận
H_5	EDE -> INT -> SUB	0,130	0,132	0,000	Chấp nhận
H_6	PAS -> INT -> SUB	0,132	0,133	0,000	Chấp nhận
H_7	EAT -> INT -> SUB	0,188	0,188	0,000	Chấp nhận

(Nguồn: Kết quả phân tích từ dữ liệu khảo sát 296 sinh viên, 2023)

Kết quả phân tích PLS-SEM được thể hiện trong Bảng 4 bên trên và Hình 2 bên dưới

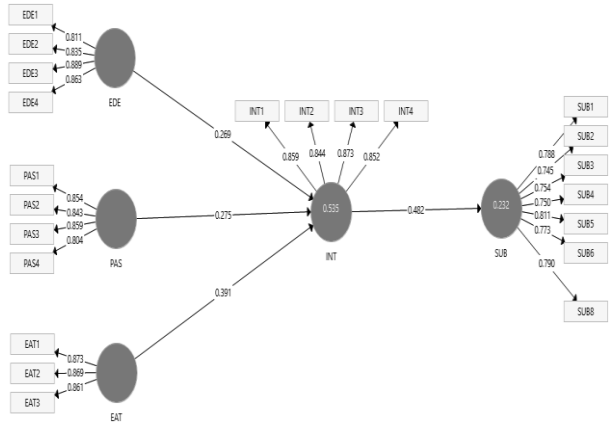

Hình 2. Kết quả PLS-SEM mô hình đo lường

(Nguồn: Kết quả phân tích từ dữ liệu khảo sát 296 sinh viên, 2023)

5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

5.1 Kết luận

Nghiên cứu này cho thấy các yếu tố tác động đến ý định và hành vi khởi nghiệp của sinh viên học các chuyên ngành kinh tế ở các trường đại học tại tỉnh Đồng Nai. Trong nghiên cứu này, tác động của Giáo dục khởi nghiệp (EDE), Niềm đam mê (PAS), Thái độ khởi nghiệp (EAT) đến Hành vi khởi nghiệp (SUB) được xem xét thông qua tác động trung gian của Ý định khởi nghiệp (INT).

5.2 Hàm ý quản trị

Từ kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả đưa ra một số hàm ý nhằm nâng cao hành vi khởi nghiệp của sinh viên đại học chuyên ngành kinh tế trong quá trình học tập ở giảng đường đại học.

Trước hết, về thái độ khởi nghiệp: Để khơi dậy và kích thích thái độ của sinh viên đối với ý định khởi nghiệp, các trường cần thành lập các nhóm, trung tâm và các bộ phận chuyên trách hỗ trợ khởi nghiệp nhằm nâng cao thái độ của từng đối tượng sinh viên, từng thành viên trong nhóm sinh viên đối với ý tưởng khởi nghiệp.

Tiếp theo, về niềm đam mê: Để tăng nhiệt huyết và khơi dậy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên, các trường cần kết hợp với hiệp hội địa phương tổ chức các khóa học cơ bản liên quan đến khởi nghiệp; thường xuyên tổ chức các ngày hội việc làm với doanh nghiệp; tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp như ý tưởng kinh doanh, tọa đàm khởi nghiệp, mô hình kinh doanh, thành lập doanh nghiệp mạng lưới cựu sinh viên; các hoạt động giao lưu, mô phỏng khởi nghiệp được đẩy mạnh nhằm chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp và kỹ năng cần thiết cho sinh viên.

Cuối cùng, về giáo dục khởi nghiệp, các trường cần đưa nội dung khởi nghiệp vào chương trình đào tạo chính quy của tất cả các ngành đào tạo, định hướng và đề nghị giảng viên bộ môn khuyến khích sinh viên khởi nghiệp nhằm có tư duy sáng tạo, tự chủ trong quá trình học; thành lập các vườn ươm doanh nghiệp; thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp, kết nối với sinh viên thông qua các hoạt động như tham quan doanh nghiệp, kiến tập, thực tập.

5.3 Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu này đã đạt được các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế: (1) Nghiên cứu này chỉ được thực hiện ở các trường đại học, không được thực hiện ở các trường cao đẳng; (2) Một số yếu tố có thể ảnh hưởng đến hành vi khởi nghiệp không được đề cập

trong nghiên cứu này; (3) Nghiên cứu được thực hiện với cỡ mẫu tương đối nhỏ và phạm vi nghiên cứu chỉ ở tỉnh Đồng Nai. Đây cũng là những gợi ý cho nghiên cứu tương tự trong tương lai.

6. CẢM ƠN

Công trình này được thực hiện với giúp đỡ của các chuyên gia và các bạn sinh viên tham gia khảo sát.

7. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Sobel, R. S., and King. K. A, Does school choice increase the rate of youth entrepreneurship?, *Economics of Education Review*, **2008**, 27(4), 429–438.

[2] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022. Tài liệu nội bộ. **2022.**

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *QĐ 1230/QĐ-BGDĐT ngày 30/03/2018 ban hành Kế hoạch triển khai đề án "Hỗ trợ học sinh sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025*. **2018.**

[4] Thủ tướng Chính phủ. *QĐ1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025,* **2017.**

[5] Văn Gia, <https://baodongnai.com.vn/dong-nai-cuoi-tuan/202304/khoi-dong-cac-chuong-trinh-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-nam-2023-3164863/.>Truy cập ngày 29/5/2023. **2023.**

[6] Handayati, P., Wulandari, D., Soetjipto, B. E., Wibowo, A., & Narmaditya, B. S. Does entrepreneurship education promote vocational students' entrepreneurial mindset? *Heliyon,* **2020,** *6*(11), Article e05426. doi:10.1016/j.heliyon.2020.e05426

[7] Wardana, L. W., Narmaditya, B. S., Wibowo, A., Mahendra, A. M., Wibowo, N. A., Harwida, C., & Rohman, A. N. The impact of entrepreneurship education and students'entrepreneurial mindset: The mediating role of attitude and self-efficacy. *Heliyon*, **2020**, 6(9), 1-7.

[8] Trịnh Thị Hà. Ảnh hưởng của các yếu tố giáo dục khởi nghiệp và niềm tin vào năng lực bản thân đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành du lịch. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở,* **2022**,18(3), pp.18-33.

[9] Trương Hoàng Diệp Hương, Phạm Đức Hiển, Trần Ngọc Lâm, Nguyễn Thành Thái, Nguyễn Thị Thu Hường. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, **2022,** 236+237, pp.116-127

[10] Ngô Đức Chiến. Nghiên cứu các nhân tố tác động đến thái độ và ý định khởi nghiệp của giới trẻ hiện nay trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Quản trị kinh doanh trong nền kinh tế số*, Trường Đại học Kinh tế-Luật, ĐHQG-TPHCM và Trường Đại học Thương Mại, *01/2022*, Hà Nội: NXB Hà Nội, 512-525, **2022**.

[11] Nguyễn Quang Thu, Trần Thế Hoàng, Hà Kiên Tân. Vai trò của yếu tố gắn kết trong mối quan hệ giữa ý định và hành vi khởi nghiệp của sinh viên. *Tạp chí Phát triển Kinh tế,* **2017**, *(28)*11, pp.04-25.

[12] Cao Quốc Việt, Ngô Thị Thanh Tiên. Tổng quan lý thuyết về ý định khởi nghiệp của sinh viên. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở, Kinh tế và Quản trị Kinh doanh,* **2016,** 50(5), pp.56-65.

[13] Koe, W. L., Sa'ari, J. R., Majid, I. A., & Ismail, K. B. Determinants of entrepreneurial intention among millennial generation. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, **2012,** 4(2), pp.197-208.

[14] Duval-Couetil, N., Gotch, C.M. & Yi, S.. The characteristics and motivations of contemporary entrepreneurship students. *Journal of Education for Business*, **2014,** 89 (8), pp.441-449.

[15] Pedrini, M., Langella, V. & Molteni, M. Do entrepreneurial education programs impact the antecedents of entrepreneurial intention? An analysis of an entrepreneurship MBA in Ghana. *Journal of Enterprising Communities: People and Places in the Global Economy*, **2017**, 11 (3), pp.373-392.

[16] Chính phủ**.** QĐ 844/QĐ-TTg hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025. Truy cập 08/2023, < https://m.thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa_hoi/quyet-dinh-844-qd-ttg-de-an-hotro-he-sinh-thai-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-quoc-gia-den-2025-2016311936.aspx.>, **2016.**

[17] Chhabra, S., Raghunathan, R., & Rao, N. M. The antecedents of entrepreneurial intention among women entrepreneurs in India. *Asia Pacific Journal of Innovation and Entrepreneurship*, **2020,** 14(1), pp.76-92.

[18] Bùi Ngọc Tuấn Anh, Phạm Minh. The role of mindfulness and perceived social support in promoting students' social entrepreneurial intention. *Entrepreneurial Business and Economics Review*, **2022,** 10(1), pp.145-160.

[19] Liu, X., Lin, C., Zhao, G., & Zhao, D. Research on the effects of entrepreneurial education and entrepreneurial self-efficacy on college students' entrepreneurial intention. *Frontiers in Psychology*, **2019**, 10, pp.869-869.

[20] Tomy, S., & Pardede, E. An entrepreneurial intention model focussing on higher education. *International Journal of Entrepreneurial Behavior & Research*, **2020,** 26(7), pp.1423-1447.

[21] Mei, H., Lee, C. H., & Xiang, Y. Entrepreneurship education and students' entrepreneurial intention in higher education. *Education Sciences*, **2020**, 10(9), pp.1-18

[22] Lai, L. S., & To, W. M. E-Entrepreneurial intention among young Chinese adults. *Asian Journal of Technology Innovation*, **2020,** 28(1), pp.119-137.

[23] Hussain, A., & Norashidah, D. Impact of entrepreneurial education on entrepreneurial intentions of Pakistani Students. *Journal of Entrepreneurship and Business Innovation*, **2015**, 2(1), pp.43-53.

[24] Kirkwood, J., Dwyer, K., & Gray, B. Students' reflections on the value of an entrepreneurship education. *International Journal of Management in Education*, **2014,** 12(3), pp. 307- 316.

[25] Cui, J., Sun, J., & Bell, R. The impact of entrepreneurship education on the entrepreneurial mindset of college students in China: the mediating role of inspiration and the role of educational attributes. *International Journal of Management Education,* **2021**, 19(1), Article 100296. doi:10.1016/j.ijme.2019.04.001

[26] Wang, W., Lu, W. & Millington, J. K. Determinants of Entrepreneurial Intention among College Student in China and USA. *Journal of Global Entrepreneurship Research*, Winter & Spring, **2011**, 1(1), pp.35-44.

[27] Mamun, A. A., Nawi, N. B. C., Mohiuddin, M., Shamsudin, S. F. F. B. & Fazal, S. A. Entrepreneurial intention and startup preparation: A study among business students in Malaysia. *Journal of Education for Business*, **2017**, 92(6), pp.296-314,

[28] Harris, M. L., & Gibson, S. Examining the entrepreneurial attitudes of US business students. *Education and Training*, **2008**, 50(7), 568-581

[29] Luthje, C., & Franke, N. The making of an entrepreneur: testing a model of entrepreneurial intent among engineering students at MIT. *R & D Management*, **2003,** 33 (2), pp.135-147.

[30] Shapero, A. & Sokol, L. The Social Dimensions of Entrepreneurship. In C.A. Kent, D.L. Sexton, & K.H. Vesper (Eds.). Encyclopedia of Entrepreneurship. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall, **1982**, pp.72-90.

[31] Ajzen, I.. The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, **1991,** 50(2), pp.179-211.

[32] Randall, D. M., & Wolff, J. A. The time interval in the intention-behaviour relationship: Metaanalysis. *British Journal of Social Psychology*, **1994**, 33(4), pp.405–418. doi: 10.1111/j.2044- 8309.1994.tb01037.x

[33] Schlaegel, C., & Koenig, M. Determinants of Entrepreneurial Intent: A Meta-Analytic Test and Integration of Competing Models. *Entrepreneurship Theory and Practice*, **2014**, 38(2), pp.291–332. doi: 10.1111/etap.12087

[34] Fayolle, A., & Liñán, F. The future of research on entrepreneurial intentions. *Journal of Business Research*, **2014**, 67(5), pp. 663–666. doi: 10.1016/j.jbusres.2013.11.024

[35] Rasli, A. M., Khan, S. R., Malekifar, S. & Jabeen, S. Factors affecting entrepreneurial intention among graduate students of university Teknologi Malaysia. *International Journal of business and social science*, **2013**, 4(2), 10-23.

[36] Lĩnán, F., Rodríguez-Cohard, J. & Rueda-Cantuche, J. Factors affecting entrepreneurial intention levels: a role for education. *International Entrepreneurship and Management Journal*, **2011**, 7(2011), 1-24.

[37] Kautonen, T., van Gelderen, M., & Fink, M. Robustness of the theory of planned behavior in predicting entrepreneurial intentions and actions. Entrepreneurship Theory and Practice, **2015**, 39(3), 655–674

[38] Devellis, R.. *Scale Development Theory and Applications*. Sage Publications, New York, **2012.**

[39] Henseler, J.&Sarstedt, M. A new criterion forassessing discriminant validity in variance-based structural equation modeling. *Journal of The Academy of Marketing Science*, **2015,** 43(1), pp.115-135.

[40] Hu, L., & Bentler, P. M. Cutoff criteria for fit indexes in covariance structure analysis: Conventional criteria versus new alternatives. *Structural Equation Modeling,* **1999,** *6*(1), pp.1-55. doi:10.1080/10705519909540118

[41] Hair, J. F., Sarstedt, M., Hopkins, L., & Kuppelwieser, V. G. Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM). *European Business Review*, **2014**, 26(2), pp.106-121.

8. PHỤ LỤC

Bảng PL1. Diễn giải biến trong mô hình nghiên cứu

Tên biến	Biến quan sát	Mã hóa	Nguồn tham khảo
Giáo dục khởi nghiệp	Giáo dục trong trường cung cấp kỹ năng và năng lực cần thiết để bạn khởi nghiệp	EDE1	Handayati và cộng sự (2020); Wardana và cộng sự (2020); Trịnh Thị Hà (2022); Cao Quốc Việt và cộng sự (2016)
	Nhà trường khuyến khích phát triển ý tưởng sáng tạo để khởi nghiệp	EDE2	
	Giáo dục trong trường cung cấp kiến thức cần thiết về kinh doanh để khởi nghiệp	EDE3	
	Giáo dục trong trường khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa về khởi nghiệp	EDE4	
Niềm đam mê	Tôi không thích đi làm thuê cho người khác sau khi tốt nghiệp đại học	PAS1	Ngô Đức Chiến (2021); Wang và cộng sự (2011)
	Tôi có xu hướng mở doanh nghiệp riêng sau khi tốt nghiệp đại học	PAS2	
	Khởi sự doanh nghiệp hấp dẫn đối với tôi.	PAS3	
	Tôi là người có nhiều hoài bão kinh doanh	PAS4	
Thái độ khởi nghiệp	Nếu có cơ hội và nguồn lực, tôi sẽ khởi nghiệp	EAT1	Handayati và cộng sự (2020); Wardana và cộng sự, (2020); Trịnh Thị Hà (2022);
	Tôi sẽ khởi nghiệp nếu Tôi thất nghiệp	EAT2	
	Tôi mong muốn được khởi nghiệp vì đó là điều mình yêu thích	EAT3	
Ý định khởi nghiệp	Muốn được tự làm chủ doanh nghiệp	INT1	Handayati và cộng sự (2020); Wardana và cộng sự (2020); Rasli và cộng sự (2013), Lĩnán và cộng sự (2011), Trịnh Thị Hà (2022); Trương Hoàng Diệp Hương (2022)
	Quyết tâm tạo ra một doanh nghiệp trong tương lai	INT2	
	Cố gắng hết sức để bắt đầu công việc kinh doanh	INT3	
	Bắt đầu khởi nghiệp khi còn đang học tại trường	INT4	
Hành vi khởi nghiệp	Tôi đã phát triển kế hoạch kinh doanh	SUB1	Nguyễn Quang Thu và cộng sự (2017); Kautonen và cộng sự (2015)
	Tôi đã có kế hoạch tiếp thị;	SUB2	
	Tôi đang phát triển một sản phẩm dịch vụ;	SUB3	
	Tôi đã nói chuyện với khách hàng tiềm năng	SUB4	
	Tôi đã thu thập thông tin về đối thủ cạnh tranh	SUB5	
	Tôi đã lập dự toán tài chính	SUB6	
	Tôi đã tiếp cận các tổ chức quỹ đầu tư	SUB7	
	Tôi đã chuẩn bị các cơ sở vật chất	SUB8	

(Nguồn: Tổng hợp từ việc tham khảo nghiên cứu trước, 2023)